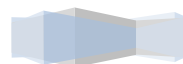


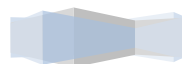
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
(dành cho các Sở, Trường, Trung tâm)

Phần Mềm Quản Lý
Số liệu Tuyển sinh
Tốt nghiệp
Việc làm



PHẦN 1

TỔNG QUAN CHUNG VỀ HỆ THỐNG

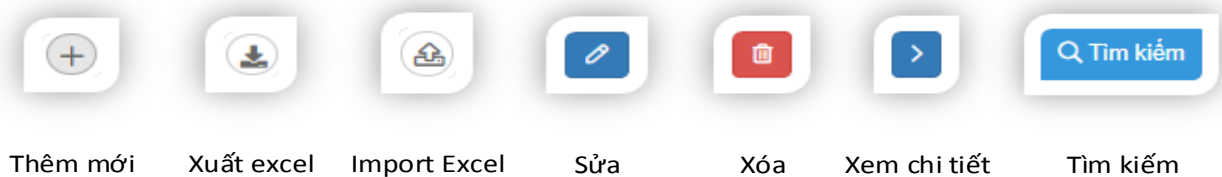


1. Giới thiệu hệ thống

Phần mềm quản lý số liệu tuyển sinh, tốt nghiệp, việc làm là phần mềm được xây dựng nhằm hỗ trợ các Trường, Trung tâm GDNN và các Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trong việc quản lý, thống kê, tổng hợp số liệu và báo cáo kết quả tuyển sinh, tốt nghiệp và giải quyết việc làm của cả hệ thống giáo dục nghề nghiệp một cách nhanh chóng và hiệu quả.

2. Các thao tác cơ bản khi sử dụng hệ thống

2.1. Các nút thao tác chính



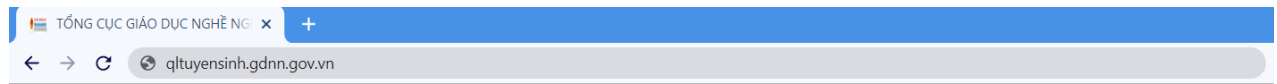
- **Thêm mới:** Tạo mới một đối tượng (trường, ngành/ngành,).
- **Xóa:** Xóa một đối tượng (trường, ngành/ngành,).
- **Sửa:** Cập nhật thông tin một đối tượng (trường, ngành/ngành,).
- **Tìm kiếm:** Tìm kiếm đối tượng (trường, ngành/ngành,).
- **Tải lên:** Tải lên các báo cáo tuyển sinh, tốt nghiệp,...
- **In:** Xuất báo cáo tốt nghiệp, tuyển sinh... dạng file excel.

2.2. Hướng dẫn đăng nhập

- **Bước 1:** Mở trình duyệt *Chrome* hoặc *Firefox*.
- **Bước 2:** Truy cập vào địa chỉ: <http://daotaocq.gdnn.gov.vn/> và chọn biểu tượng “*Truy cập Trang quản lý số liệu*” trên trang chủ của Website:



Hoặc truy cập trực tiếp vào link hệ thống: <http://qltuyensinh.gdnn.gov.vn/>



- **Bước 3:** Nhập *Tên tài khoản* và *Mật khẩu*.
- **Bước 4:** Nhấn “*Đăng nhập*” để vào hệ thống.

2.3. Quản lý hồ sơ cá nhân

- **Bước 1:** Nhấn vào “*Cài Đặt Hệ Thống*”, chọn “*Hồ Sơ Cá Nhân*” hoặc nhấn vào mũi tên bên góc phải màn hình chọn “*Hồ Sơ Cá Nhân*”.
- **Bước 2:** Tại mục “*Hồ Sơ Cá Nhân*” người dùng có thể bổ sung và chỉnh sửa các thông tin cá nhân của tài khoản.



2.3.1. Cập nhật thông tin chung.

- **Bước 1:** Cập nhật bổ sung các thông tin: CMND, Họ và tên, Thư Điện Tử, Quyền Hệ Thống, Ngày sinh, Giới tính, Điện thoại, Địa chỉ, Giới thiệu, Avatar.

- **Bước 2:** Nhấn **Lưu thay đổi** để hoàn tất cập nhật.

2.3.2. Đổi mật khẩu

- **Bước 1:** Tại màn hình Hồ Sơ Cá Nhân, chọn tab “**Đổi mật khẩu**”
- **Bước 2:** Nhập thông tin mật khẩu:
 - Nhập mật khẩu cũ.
 - Nhập mật khẩu mới
 - Nhập lại mật khẩu mới.

- **Bước 3:** Chọn “**Lưu thay đổi**” để hoàn tất cập nhật.

2.3.3. Cập nhật đơn vị công tác

- **Bước 1:** Tại màn hình Hồ Sơ Cá Nhân, chọn tab “**Đơn vị công tác**”:

HỒ SƠ CÁ NHÂN

Thông Tin Chung

Đổi mật khẩu

Đơn vị công tác

Sở giáo dục

Cà Mau

Trường

Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau

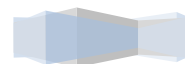
Lưu thay đổi

Làm mới

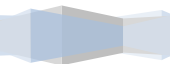
- **Bước 2:** Chọn Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.../ Trường.....
- **Bước 3:** Chọn “**Lưu thay đổi**” để hoàn tất cập nhật.

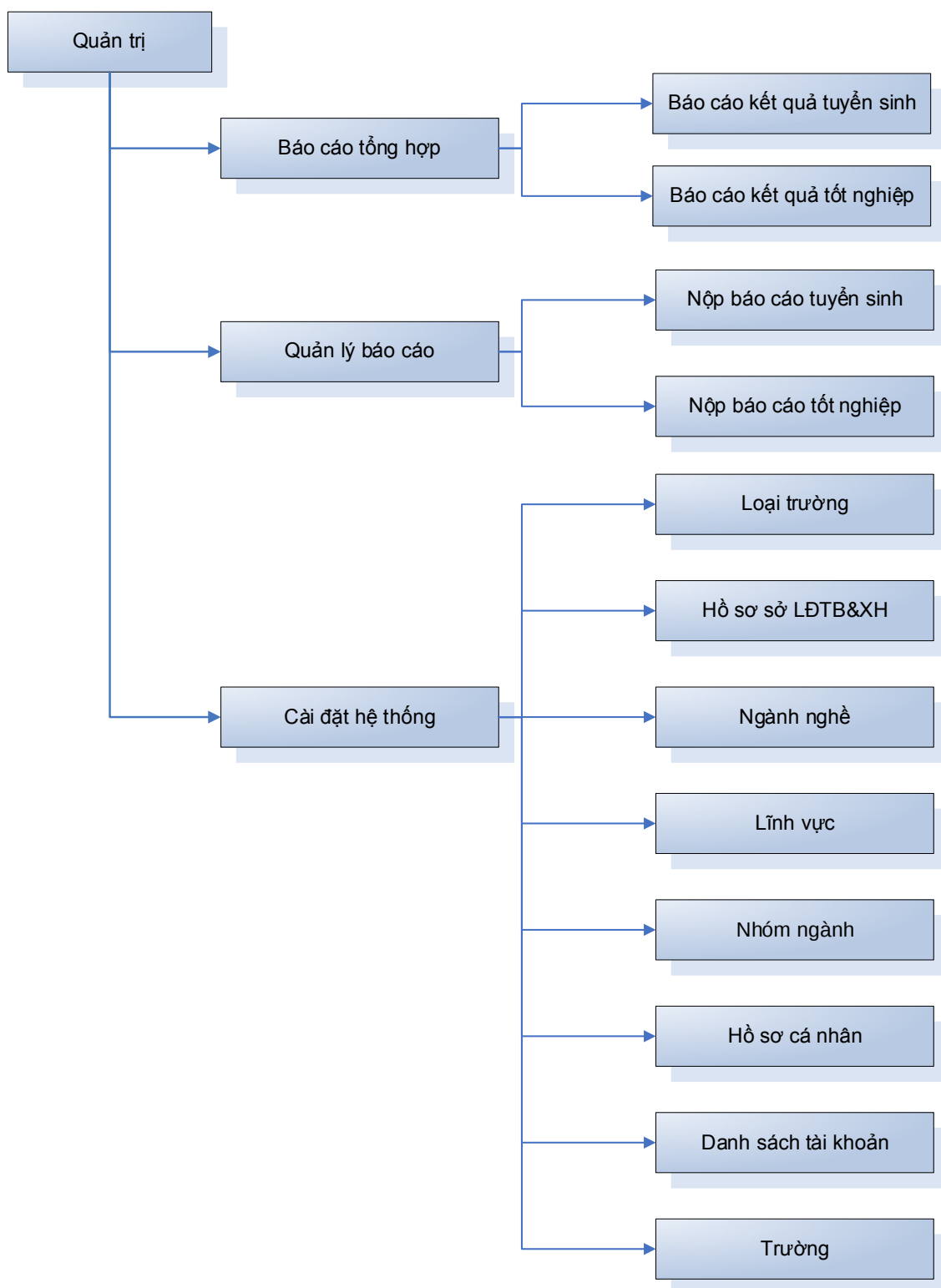
PHẦN 2

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỆ THỐNG DÀNH CHO CÁC SỞ LĐ-TB&XH



1. Phân quyền





2. Hướng dẫn sử dụng các chức năng hệ thống

2.1. Báo cáo tổng hợp

Tại mục Báo cáo tổng hợp, Sở xem bản tổng hợp số liệu Tuyển sinh – Tốt nghiệp của các trường trực thuộc Sở.

2.1.1. Báo cáo kết quả Tuyển sinh

- **Bước 1:** Nhấn vào “**Báo cáo tổng hợp**”, chọn “**Báo cáo Kết Quả Tuyển Sinh**”
- **Bước 2:** Tại mục “**Báo cáo Kết Quả Tuyển Sinh**”
 - Tùy chỉnh thông tin ở mục **Trường, Quý, Tháng và Năm**.
 - Sau đó nhấn “**Tìm**”
- **Bước 3:** Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm theo mục đã chọn.

BÁO CÁO SỐ LIỆU TUYỂN SINH

Địa phương

Đồng bằng sông Cửu Long

Sở LĐTB&XH

Cà Mau

Trường

Tất cả

Quý

II

Tháng

6

Năm

2020

Q Tìm

STT	Tên cơ sở GDNN và Ngành, nghề đào tạo			Kế hoạch tuyển sinh năm... (theo đăng ký chỉ tiêu năm)				Tổng số tuyển sinh các trình độ	Trong tổng số:		CD			
				Tổng số	CD	TC	SC và đào tạo nghề nghiệp khác		Nữ	Dân tộc thiểu số/ít người				
											Cộng CD			
												Tuyển mới	Liên thông	
	Mã trường	Tên trường	Loại hình cơ sở	(1)=(2)+(3)+(4)	(2)	(3)	(4)	(5)=(8)+(13)+(18)	(6)=(11)+(16)+(21)	(7)=(12)+(17)+(22)	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	
Chưa có dữ liệu														

Hiện 0 to 0 of 0 entries

2.1.2. Báo cáo kết quả Tốt nghiệp

- **Bước 1:** Nhấn vào “**Báo cáo tổng hợp**”, chọn “**Báo cáo Kết Quả Tốt Nghiệp**”
- **Bước 2:** Tại mục “**Báo cáo kết quả Tốt Nghiệp**”
 - Tùy chỉnh thông tin ở mục **Trường, Quý, Tháng và Năm.**
 - Sau đó nhấn “**Tìm**”
- **Bước 3:** Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm theo mục đã chọn.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

Theo vùng:

Số LĐTBSXH:

Trường:

Quý:

Tháng:

Năm:

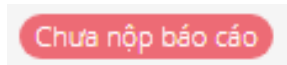
STT	Cơ sở GDNN			Tổng số người học tốt nghiệp	Trình độ Cao đẳng				Trình độ Trung cấp				Trình độ Sơ cấp và DTTX				Người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp (%)			Mức lương trung bình (Triệu đồng/tháng)		
	Mã	Tên cơ sở GDNN	Loại hình cơ sở		Số SV nhập học đầu khóa	Số SV đủ điều kiện thi, xét TN	Số SV TN	Tỷ lệ tốt nghiệp đầu khóa, giỏi (%)	Số HS nhập học đầu khóa	Số HS đủ điều kiện thi, xét TN	Số HS TN	Tỷ lệ tốt nghiệp đầu khóa, giỏi (%)	Số nhập học đầu khóa	Số đủ điều kiện thi, xét TN	Số TN	CD	TC	SC và khác	CD	TC	SC và khác	
Chưa có dữ liệu																						

Hiện 0 to 0 of 0 entries

2.2. Quản lý Báo cáo

Tại mục Quản lý báo cáo, Sở quản lý các báo cáo của trường nộp lên, sau đó kiểm tra bản tổng hợp và gửi báo cáo lên cho Tổng cục GDNN.

2.2.1. Nộp Báo cáo tuyển sinh

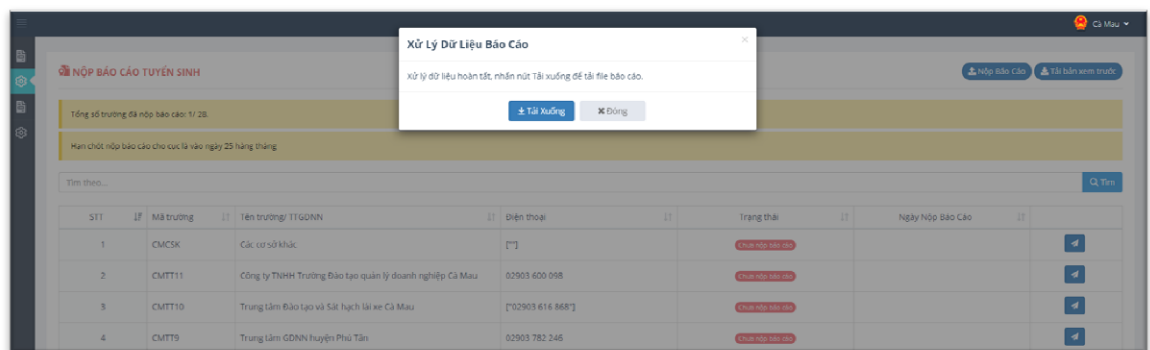
- **Bước 1:** Kiểm tra trạng thái nộp báo cáo tuyển sinh của các Trường / Trung tâm trực thuộc Sở.
 - Nếu trường đã nộp báo cáo trạng thái hiển thị: 
 - Nếu trường chưa nộp báo cáo trạng thái hiển thị: 
 - Sở sử dụng chức năng gửi email  để nhắc nhở các Trường / Trung tâm nộp báo cáo. Hệ thống sẽ gửi thư nhắc nhở đến Trường / Trung tâm về việc chưa nộp báo cáo và yêu cầu nộp báo cáo đúng hạn.

NỘP BÁO CÁO TUYỂN SINH							
Tổng số trường đã nộp báo cáo: 1/28.							
Hạn chót nộp báo cáo cho cục là vào ngày 25 hàng tháng							
Tìm theo... Q Tìm							
STT	IF	Mã trường	Tên trường/ TTGDNN	Điện thoại	Trạng thái	Ngày Nộp Báo Cáo	
1		CMCSK	Các cơ sở khác	[*]	Chưa nộp báo cáo		
2		CMTT11	Công ty TNHH Trường Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	02903 600 098	Chưa nộp báo cáo		
3		CMTT10	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Cà Mau	[*02903 616 868*]	Chưa nộp báo cáo		
4		CMTT9	Trung tâm GDNN huyện Phú Tân	02903 782 246	Chưa nộp báo cáo		
5		CMTT8	Trung tâm GDNN huyện Ngọc Hiển	02903 719 267	Chưa nộp báo cáo		

- **Bước 2:** Chọn “**Tải bản xem trước**” để tải bản báo cáo tổng hợp của các trường.

NỘP BÁO CÁO TUYỂN SINH							
Tổng số trường đã nộp báo cáo: 1/28.							
Hạn chót nộp báo cáo cho cục là vào ngày 25 hàng tháng							
Tìm theo... Q Tìm							
STT	IF	Mã trường	Tên trường/ TTGDNN	Điện thoại	Trạng thái	Ngày Nộp Báo Cáo	
1		CMCSK	Các cơ sở khác	[*]	Chưa nộp báo cáo		
2		CMTT11	Công ty TNHH Trường Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	02903 600 098	Chưa nộp báo cáo		
3		CMTT10	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Cà Mau	[*02903 616 868*]	Chưa nộp báo cáo		
4		CMTT9	Trung tâm GDNN huyện Phú Tân	02903 782 246	Chưa nộp báo cáo		
5		CMTT8	Trung tâm GDNN huyện Ngọc Hiển	02903 719 267	Chưa nộp báo cáo		
6		CMTT7	Trung tâm GDNN huyện Năm Căn	02903 876 811	Chưa nộp báo cáo		
7		CMTT6	Trung tâm GDNN huyện U Minh	02903 863 544	Chưa nộp báo cáo		
8		CMTT5	Trung tâm GDNN huyện Trần Văn Thời	02903 896 137	Chưa nộp báo cáo		

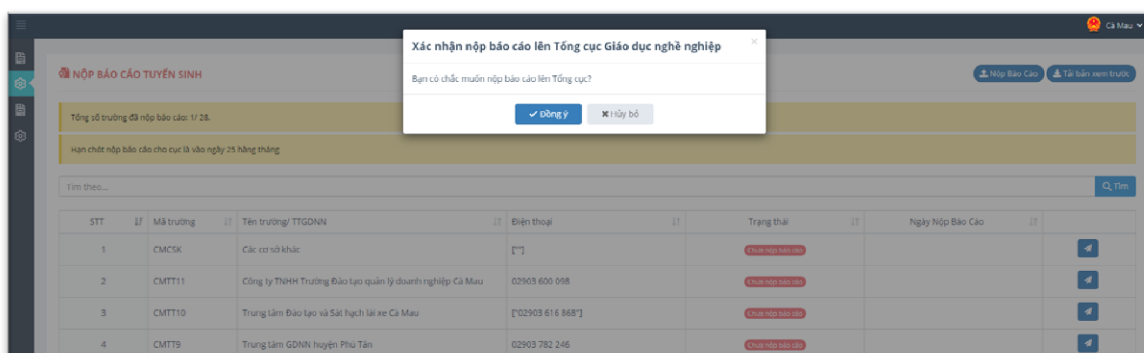
- Hệ thống hiển thị cửa sổ thông báo chờ xử lý dữ liệu báo cáo.
- Chọn “**Tải xuống**” để lưu tập tin báo cáo về máy tính hoặc chọn “**Đóng**” để hủy bỏ.



- **Bước 3:** Chọn “**Nộp báo cáo**” để gửi báo cáo tổng hợp của các trường lên cho Tổng cục GDNN

NỘP BÁO CÁO TUYỂN SINH							Nộp Báo Cáo	Tải bản xem trước
Tổng số trường đã nộp báo cáo: 1/28.								
Hạn chót nộp báo cáo cho cục là vào ngày 25 hàng tháng								
Tìm								
STT	IF	Mã trường	Tên trường/ TTGDNN	Điện thoại	Trạng thái	Ngày Nộp Báo Cáo		
1		CMCSK	Các cơ sở khác	[*]	Chưa nộp báo cáo			
2		CMTT11	Công ty TNHH Trường Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	02903 600 098	Chưa nộp báo cáo			
3		CMTT10	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Cà Mau	[*02903 616 868*]	Chưa nộp báo cáo			
4		CMTT9	Trung tâm GDNN huyện Phú Tân	02903 782 246	Chưa nộp báo cáo			
5		CMTT8	Trung tâm GDNN huyện Ngọc Hiển	02903 719 267	Chưa nộp báo cáo			

– Hệ thống hiển thị cửa sổ yêu cầu xác nhận. Chọn “**Đồng ý**” để gửi báo cáo lên cho Tổng cục GDNN hoặc “**Hủy bỏ**” để bỏ thao tác.



2.2.2. Nộp Báo cáo tốt nghiệp

- **Bước 1:** Kiểm tra trạng thái nộp báo cáo tốt nghiệp của các Trường / Trung tâm trực thuộc Sở.

– Nếu trường đã nộp báo cáo trạng thái hiển thị:

Đã nộp báo cáo

– Nếu trường chưa nộp báo cáo trạng thái hiển thị:

Chưa nộp báo cáo

– Sở sử dụng chức năng gửi email  để nhắc nhở các Trường / Trung tâm nộp báo cáo. Hệ thống sẽ gửi thư nhắc nhở đến Trường / Trung tâm về việc chưa nộp báo cáo và yêu cầu nộp báo cáo đúng hạn.

NỘP BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

Tổng số trường đã nộp báo cáo: 2/ 28.

Hạn chót nộp báo cáo cho cục là vào ngày 25 hàng tháng

Tìm theo...

STT	Mã trường	Tên trường/ TTGDNN	Điện thoại	Trạng thái	Thời điểm nộp báo cáo
1	CMCSK	Các cơ sở khác	[...]	Chưa nộp báo cáo	
2	CMTT11	Công ty TNHH Trường Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	02903 600 098	Chưa nộp báo cáo	
3	CMTT10	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Cà Mau	[*02903 616 868*]	Chưa nộp báo cáo	
4	CMTT9	Trung tâm GDNN huyện Phú Tân	02903 782 246	Chưa nộp báo cáo	
5	CMTT8	Trung tâm GDNN huyện Ngọc Hiển	02903 719 267	Chưa nộp báo cáo	

- **Bước 2:** Chọn “**Tải bản xem trước**” để tải bản báo cáo tổng hợp của các trường.

NỘP BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

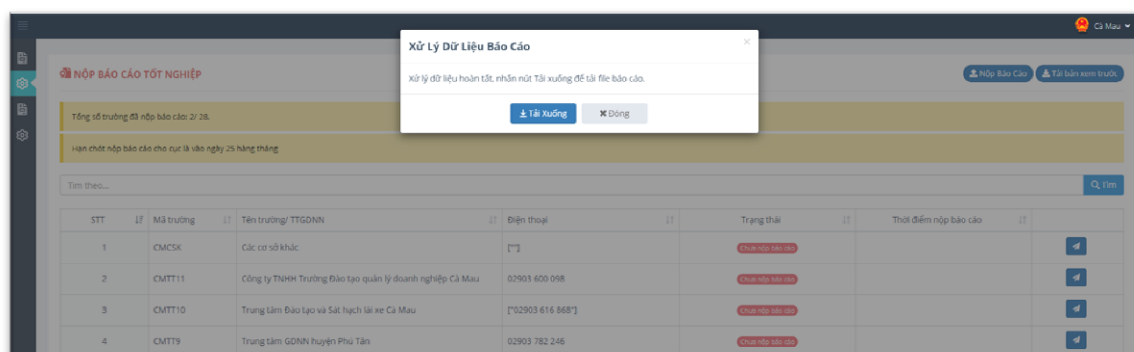
Tổng số trường đã nộp báo cáo: 2/ 28.

Hạn chót nộp báo cáo cho cục là vào ngày 25 hàng tháng

Tìm theo...

STT	Mã trường	Tên trường/ TTGDNN	Điện thoại	Trạng thái	Thời điểm nộp báo cáo
1	CMCSK	Các cơ sở khác	[...]	Chưa nộp báo cáo	
2	CMTT11	Công ty TNHH Trường Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	02903 600 098	Chưa nộp báo cáo	
3	CMTT10	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Cà Mau	[*02903 616 868*]	Chưa nộp báo cáo	
4	CMTT9	Trung tâm GDNN huyện Phú Tân	02903 782 246	Chưa nộp báo cáo	

- Hệ thống hiển thị cửa sổ thông báo chờ xử lý dữ liệu báo cáo.
- Chọn **Tải xuống** để lưu tập tin báo cáo về máy tính hoặc **Đóng** để hủy bỏ.



- **Bước 3:** Chọn “**Nộp báo cáo**” để gửi báo cáo tổng hợp của các trường lên cho TCGDNN

NỘP BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

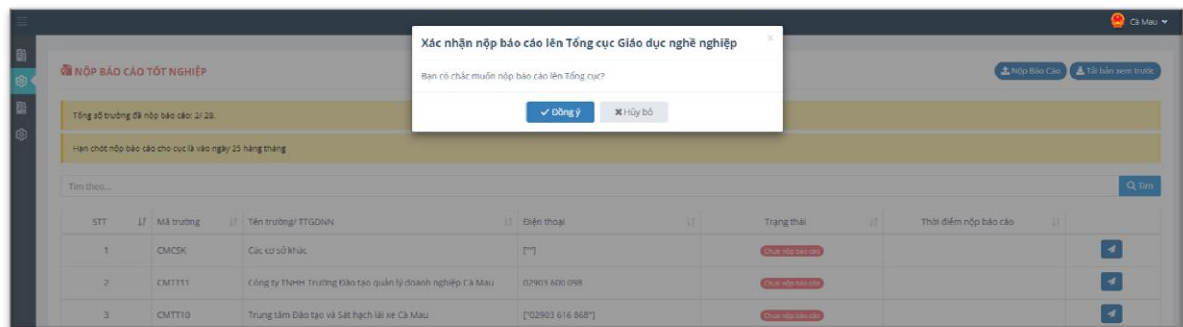
Tổng số trường đã nộp báo cáo: 2/25.

Hạn chót nộp báo cáo cho cục là vào ngày 25 hàng tháng

Tìm theo...

STT	Mã trường	Tên trường/ TTGDNN	Điện thoại	Trạng thái	Thời điểm nộp báo cáo
1	CMCSK	Các cơ sở khác	[*]	Chưa nộp báo cáo	
2	CMTT11	Công ty TNHH Trường Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	02903 600 098	Chưa nộp báo cáo	
3	CMTT10	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Cà Mau	[*02903 616 868*]	Chưa nộp báo cáo	
4	CMTT9	Trung tâm GDNN huyện Phú Tân	02903 782 246	Chưa nộp báo cáo	

– Hệ thống hiển thị cửa sổ yêu cầu xác nhận. Chọn **Đồng ý** để nộp báo cáo lên cho TCGDNN hoặc **Hủy bỏ** để bỏ thao tác.



2.3. Cài đặt hệ thống

2.3.1. Loại trường

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài đặt hệ Thống”, chọn “Loại Trường”
- **Bước 2:** Tại mục “Loại Trường” Sở chỉ có thể xem và tra cứu các loại trường có trên hệ thống.

LOẠI TRƯỜNG

Tìm theo...

STT	Mã	Tên	Mô Tả	Trạng Thái
1	24	Cơ sở GDNN khác		Kích hoạt
2	23	Trung Tâm GDNN		Kích hoạt
3	22	Trung Cấp		Kích hoạt
4	21	Cao Đẳng		Kích hoạt

Hiện 1 đến 4 của 4 dòng

Trang trước 1 Trang kế

2.3.2. Hồ sơ Sở

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Hồ Sơ Sở LĐT&XH”
- **Bước 2:** Tại mục “Hồ Sơ Sở LĐT&XH” Sở có thể bổ sung và chỉnh sửa các thông tin của Sở.
- **Bước 3:** Sau đó nhấn “Lưu thay đổi” để lưu lại.

HỒ SƠ ID = 18 Thông Tin Chung

Mã (*): 96

Tên (*): Cà Mau

Vùng kinh tế (*): Đồng bằng sông Cửu Long Tỉnh (*): Cà Mau

Điện Thoại (*): 02903 551 452 Di Động (*):

Thư Điện Tử: phongdn.solaodongcm@gmail.com Liên Hệ: Cà Mau

Địa Chỉ (*): 112, đường Phan Ngọc Hiến, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

quoc huy.png Xóa Mở file

Lưu thay đổi Refresh

2.3.3. Ngành Nghề

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Ngành nghề”
- **Bước 2:** Tại mục “Ngành nghề” giao diện hiển thị tất cả các ngành nghề có trên hệ thống.

STT	ID	Mã	Tên	Tiếng Anh	Trình Độ	
1	ladecsc1		Sơ cấp và đào tạo TX	Sơ cấp và đào tạo TX	Sơ cấp	Chi tiết
2	ladec09		Dưới 3 tháng	Dưới 3 tháng	Sơ cấp	Chi tiết
3	ladec08		Kế toán	Kế toán	Sơ cấp	Chi tiết
4	ladec07		Lắp đặt thiết bị điện	Lắp đặt thiết bị điện	Sơ cấp	Chi tiết
5	ladec06		Lắp đặt điện công trình	Lắp đặt điện công trình	Sơ cấp	Chi tiết
6	ladec05		Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	Sơ cấp	Chi tiết
7	ladec04		Quản lý khách sạn	Quản lý khách sạn	Sơ cấp	Chi tiết
8	ladec03		Kỹ thuật chế biến món ăn	Kỹ thuật chế biến món ăn	Sơ cấp	Chi tiết
9	ladec02		Pha chế đồ uống	Pha chế đồ uống	Sơ cấp	Chi tiết
10	ladec01		Bán hàng trong siêu thị	Bán hàng trong siêu thị	Sơ cấp	Chi tiết
11	6810206		Quản trị nhà hàng	Quản trị nhà hàng	Sơ cấp	Chi tiết
12	6580201		Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	Sơ cấp	Chi tiết
13	6810201		Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	Sơ cấp	Chi tiết

Thêm mới ngành nghề

- **Bước 1:** Chọn chức năng thêm mới :



Mọi vướng mắc xin liên hệ Kỹ thuật viên: Nguyễn Phong Châu, ĐT: 0939 125 621 hoặc: 0707 240 691, Email: chaunp1991@gmail.com để được hỗ trợ

- **Bước 2:** Nhập các thông tin của ngành nghề:
 - Nhập **Mã, Tên, Tên tiếng anh, Mô tả**.
 - Chọn **Lĩnh vực, Trình độ, Nhóm ngành**.
 - Tích vào ô “**Kích hoạt**” nếu muốn sử dụng ngành nghề vừa tạo.
 - Tích vào ô “**Tiếp tục thêm**” nếu muốn thêm liên tục.

Thêm mới

Mã:

Tên:

Tiếng Anh:

Lĩnh vực (*)

Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên

Trình độ (*)

Cao đẳng

Nhóm ngành (*)

Nothing selected

Mô Tả:

Tùy chọn thêm:
☒ Kích hoạt
☐ Tiếp tục thêm

Lưu

Đóng

- **Bước 3:** Nhấn “**Lưu**” để hoàn tất hoặc “**Đóng**” để hủy bỏ thêm mới.

Mọi vướng mắc xin liên hệ Kỹ thuật viên: Nguyễn Phong Châu, ĐT: 0939 125 621 hoặc: 0707 240 691, Email: chaunp1991@gmail.com để được hỗ trợ

 Bổ sung, chỉnh sửa tên ngành, nghề tuyển sinh

- **Bước 1:** Tại lưới hiển thị danh sách ngành nghề, chọn chức năng cập nhật .
- **Bước 2:** Chỉnh sửa các thông tin của ngành nghề:
 - Nhập **Mã**, **Tên**, **Tên tiếng anh**, **Mô tả**.
 - Chọn **Lĩnh vực**, **Trình độ**, **Nhóm ngành**.
 - Tích vào ô “**Kích hoạt**” nếu muốn sử dụng ngành nghề này hoặc bỏ tích nếu không sử dụng.

Cập nhật

Mã:

Test

Tên:

Kiểm tra thêm mới

Tiếng Anh:

Test

Lĩnh vực (*)

Công nghệ kỹ thuật

Trình độ (*)

Cao đẳng

Nhóm ngành

Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng

Mô Tả:

Thêm mới

Tùy chọn thêm:

☒ Kích hoạt

☐ Tiếp tục thêm

Lưu

X Đóng

- **Bước 3:** Nhấn “**Lưu**” để hoàn tất hoặc “**Đóng**” để hủy bỏ.

Xóa ngành nghề

- **Bước 1:** Tại lưới hiển thị danh sách ngành nghề, chọn chức năng xóa 

Xác nhận xóa ✕

Bạn có chắc muốn xóa dòng này?

🗑 Xóa
✕ Đóng

- **Bước 2:** Chọn “**Xóa**” để xóa ngành nghề hoặc “**Đóng**” để hủy bỏ.

***** Lưu ý:** *Sở chỉ có thể cập nhật và xóa các ngành nghề do chính Sở tạo.*

2.3.4. Lĩnh Vực

- **Bước 1:** Nhấn vào “**Cài Đặt Hệ Thống**”, chọn “**Lĩnh Vực**”.
- **Bước 2:** Tại mục “**Lĩnh Vực**” Sở chỉ có thể xem và tra cứu các lĩnh vực có trên hệ thống.

STT	Mã	Tên	Trình Độ	Trạng Thái
1	686	An ninh, quốc phòng	Cao đẳng	Kích hoạt Chị xem
2	685	Môi trường và bảo vệ môi trường	Cao đẳng	Kích hoạt Chị xem
3	684	Dịch vụ vận tải	Cao đẳng	Kích hoạt Chị xem
4	681	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	Cao đẳng	Kích hoạt Chị xem
5	676	Dịch vụ xã hội	Cao đẳng	Kích hoạt Chị xem
6	672	Sức khỏe	Cao đẳng	Kích hoạt Chị xem
7	664	Thú y	Cao đẳng	Kích hoạt Chị xem
8	662	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Cao đẳng	Kích hoạt Chị xem
9	658	Kiến trúc và xây dựng	Cao đẳng	Kích hoạt Chị xem
10	654	Sản xuất và chế biến	Cao đẳng	Kích hoạt Chị xem
11	652	Kỹ thuật	Cao đẳng	Kích hoạt Chị xem

2.3.5. Nhóm Ngành/ngành

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Nhóm Ngành/ngành”.
- **Bước 2:** Tại mục “Nhóm Ngành” Sở chỉ có thể xem và tra cứu các nhóm ngành có trên hệ thống.

STT	Mã	Tên	Tên tiếng anh	Lĩnh vực	Trình độ	Trạng Thái	
1	lxsg	Lái xe cơ giới	Lái xe cơ giới	Dịch vụ vận tải	Cao đẳng	Đã học	Chiếm
2	65108	Công nghệ kỹ thuật in	Printing engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Đã học	Chiếm
3	65107	Công nghệ dầu khí và khai thác	Oil and gas technology and exploitation	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Đã học	Chiếm
4	65106	Quản lý công nghiệp	Industrial management	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Đã học	Chiếm
5	65105	Công nghệ sản xuất	Industrial production	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Đã học	Chiếm
6	65104	Công nghệ hoá học, vật liệu, luyện kim và môi trường	Chemistry, material, metallurgical and environment engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Đã học	Chiếm
7	65103	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	Electric, electronic and telecommunication engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Đã học	Chiếm
8	65102	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Mechanical engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Đã học	Chiếm
9	65101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	Architecture and constructional engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Đã học	Chiếm
10	64802	Công nghệ thông tin	IT	Máy tính và công nghệ thông tin	Cao đẳng	Đã học	Chiếm
11	64801	Máy tính	Computer	Máy tính và công nghệ thông tin	Cao đẳng	Đã học	Chiếm
12	64602	Thống kê	Statistics	Toán và thống kê	Cao đẳng	Đã học	Chiếm

2.3.6. Danh sách tài khoản

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Danh Sách Tài Khoản”.
- **Bước 2:** Tại mục “Danh Sách Tài Khoản” Sở có thể xem và tra cứu các tài khoản của trường trực thuộc Sở.

STT	Cơ quan quản lý	Tên tài khoản	Quyền hệ thống	Trạng thái	
1	Công ty TNHH Trường Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	nguyenthai@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm	Đã học	Chiếm
2	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Cà Mau	khangminhcm@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm	Đã học	Chiếm
3	Trung tâm GDNN huyện Phú Tân	daynghephutan@yahoo.com.vn	Tài khoản cấp trường - trung tâm	Đã học	Chiếm
4	Trung tâm GDNN huyện Ngọc Hiến	ttddngochien@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm	Đã học	Chiếm
5	Trung tâm GDNN huyện Năm Căn	ttgdn.namcan@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm	Đã học	Chiếm
6	Trung tâm GDNN huyện U Minh	ttddum@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm	Đã học	Chiếm
7	Trung tâm GDNN huyện Trần Văn Thời	ttgdtvthoi.camau@moel.edu.vn	Tài khoản cấp trường - trung tâm	Đã học	Chiếm
8	Trung tâm GDNN huyện Cái Nước	ttgdnncn@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm	Đã học	Chiếm
9	Trung tâm GDNN huyện Đầm Dơi	ttgdnndamdoi@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm	Đã học	Chiếm
10	Trung tâm GDNN huyện Thới Bình	ttddthoibinh@yahoo.com.vn	Tài khoản cấp trường - trung tâm	Đã học	Chiếm
11	Trung tâm GDNN thành phố Cà Mau	ttddtpcm@yahoo.com.vn	Tài khoản cấp trường - trung tâm	Đã học	Chiếm
12	Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau	daotao.cdys@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm	Đã học	Chiếm

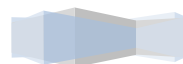
2.3.7. Danh sách trường

- **Bước 1:** Nhấn vào “**Cài Đặt Hệ Thống**”, chọn “**Trường**”
- **Bước 2:** Tại mục “**Trường**” Sở có thể xem và tra cứu các trường trực thuộc Sở.

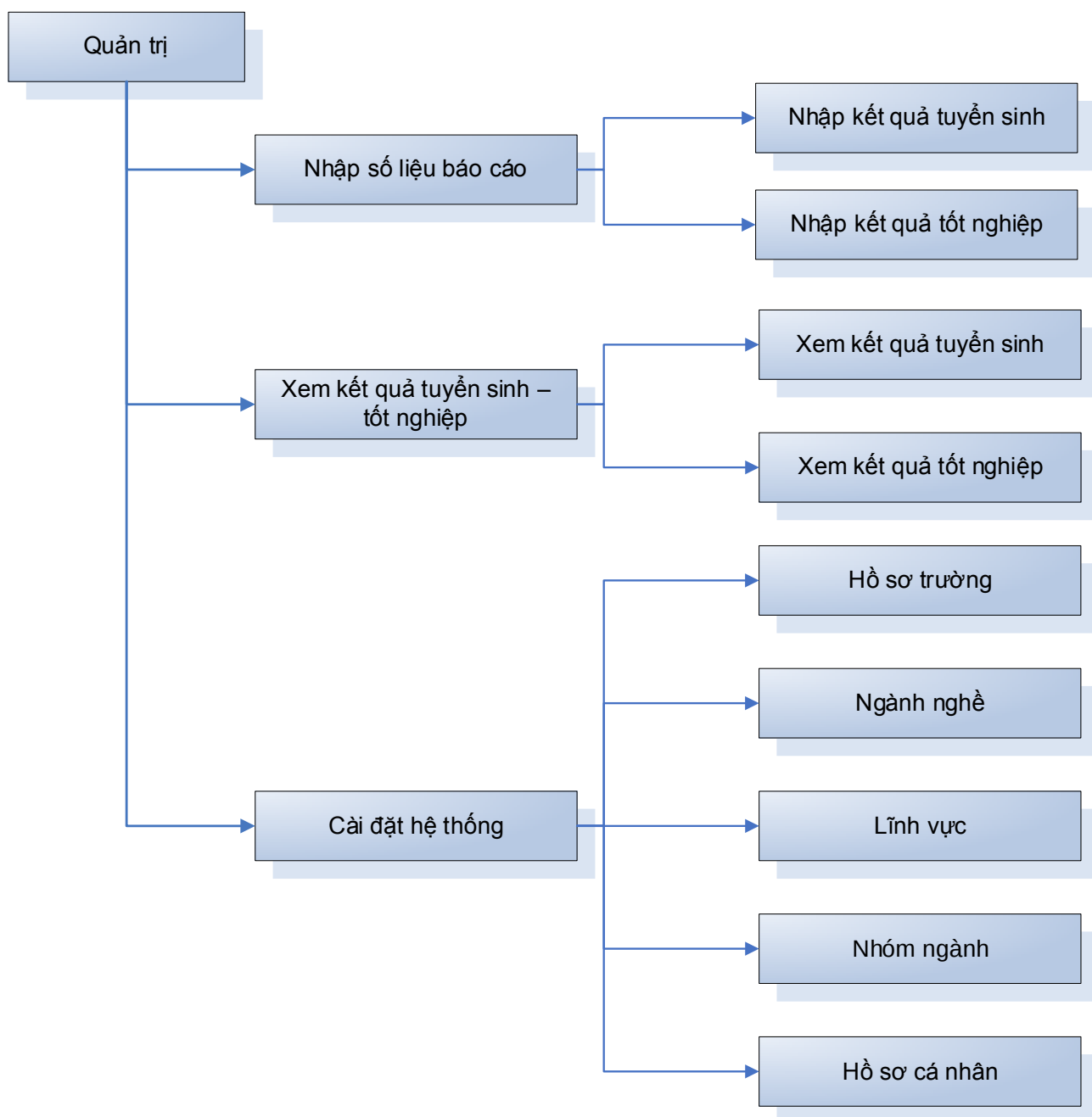
TRƯỜNG							
Tìm theo...							Q. Tìm
STT	Mã	Tên	Điện Thoại	Địa Chỉ	Trạng Thái		
1	CMCSK	Các cơ sở khác	[“”]		Kích hoạt		
2	CMTT11	Công ty TNHH Trường Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	02903 600 098	Số 99, đường Phan Ngọc Hiển, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Kích hoạt		
3	CMTT10	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Cà Mau	[“02903 616 868”]	Ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, tp Cà Mau	Kích hoạt		
4	CMTT9	Trung tâm GDNN huyện Phú Tân	02903 782 246	Khóm 1, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân	Kích hoạt		
5	CMTT8	Trung tâm GDNN huyện Ngọc Hiển	02903 719 267	Khóm 8, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển	Kích hoạt		
6	CMTT7	Trung tâm GDNN huyện Năm Căn	02903 876 811	Khóm Cái Nai, Thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn	Kích hoạt		
7	CMTT6	Trung tâm GDNN huyện U Minh	02903 863 544	Khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh	Kích hoạt		
8	CMTT5	Trung tâm GDNN huyện Trần Văn Thới	02903 896 137	Khóm 9, thị trấn Trần Văn Thới, huyện Trần Văn Thới	Kích hoạt		
9	CMTT4	Trung tâm GDNN huyện Cái Nước	02903 883 004	Ấp Đồng Hưng, xã Tân Hưng Đông	Kích hoạt		
10	CMTT3	Trung tâm GDNN huyện Đầm Dơi	02903 858 041	Khóm 1, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi	Kích hoạt		
11	CMTT2	Trung tâm GDNN huyện Thới Bình	02903 610 118	Khóm 2, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình	Kích hoạt		

PHẦN 3

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỆ THỐNG DÀNH CHO CÁC TRƯỜNG, TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP



1. Phân quyền

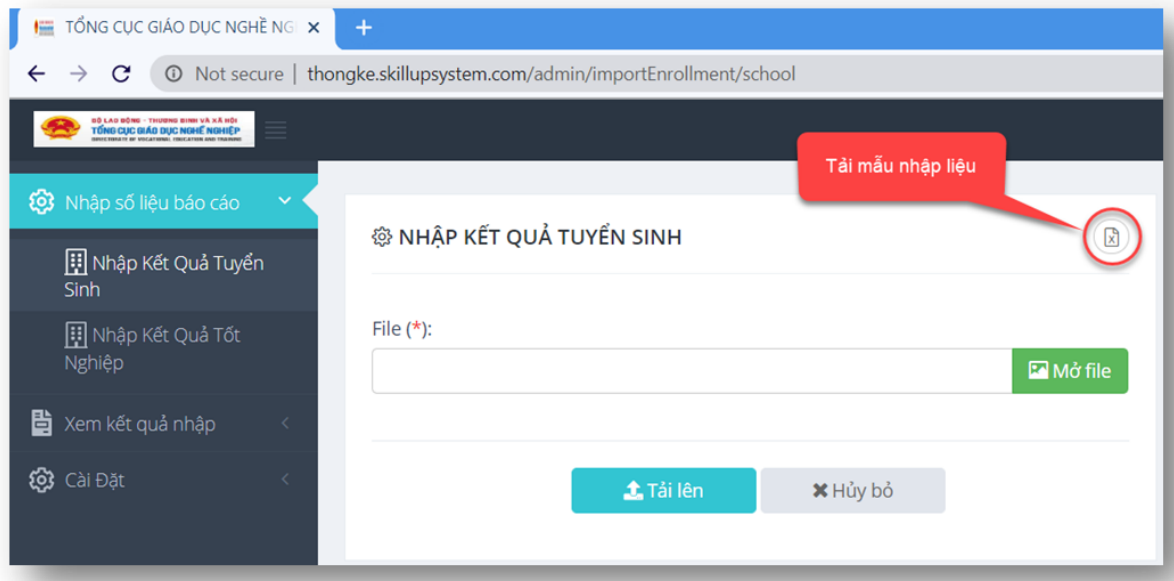


2. Hướng dẫn sử dụng các chức năng hệ thống

2.1. Nhập số liệu báo cáo

2.1.1. Nhập Kết quả tuyển sinh

- **Bước 1:** Nhấn vào “Nhập số liệu báo cáo”, chọn “Nhập kết quả tuyển sinh”
- **Bước 2:** Tại mục “Nhập kết quả tuyển sinh”
 - Chọn “File mẫu” để tải mẫu tệp nhập liệu báo cáo.



– Điền đầy đủ các thông tin của đơn vị báo cáo: Đơn vị, Địa chỉ, Điện thoại trường, Website, Điện thoại bộ phận tuyển sinh, Email bộ phận tuyển sinh.

Đơn vị:		Điện thoại bộ phận tuyển sinh:	
Địa chỉ:		Email bộ phận tuyển sinh:	
Điện thoại trường:		Website:	

KẾT QUẢ TUYỂN SINH 06 THÁNG ĐẦU NĂM

Thời điểm báo cáo: Ngày tháng năm

STT	Ngành, nghề đào tạo	Kế hoạch tuyển sinh năm				Kết quả tuyển sinh															
		(theo đúng kỳ chỉ tiêu TS đầu năm)				Chức năng theo trình độ đào tạo															
		Tổng số	CD	TC	SC và đào tạo nghề nghiệp khác	Tổng số tuyển sinh các trình độ	Đào tạo theo kế hoạch	CD				TC				SC và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác					
								Công CD	Tuyển mới	Lên tháng	Đào tạo theo kế hoạch	Công TC	Tổng tuyển	Tổng tuyển	Đào tạo theo kế hoạch	Công SC và đào tạo nghề nghiệp khác	TC	Đào tạo theo kế hoạch			
STT	Mã ngành, nghề	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
3052	Lưu trữ B2	1410	100	600	110	1,410	410	75	100	500	200	200	50	600	500	100	250	20	110	50	60
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Cập nhật năm báo cáo và thời điểm báo cáo.

Đơn vị:		Điện thoại bộ phận tuyển sinh:		Email bộ phận tuyển sinh:																					
Địa chỉ:		Website:		KẾT QUẢ TUYỂN SINH 09 THÁNG ĐẦU NĂM																					
		Thời điểm báo cáo Ngày: tháng năm																							
STT	Ngành, nghề đào tạo	Kế hoạch tuyển sinh năm						Kết quả tuyển sinh																	
		(theo định kỳ chỉ tiêu TS đầu năm)						Chia theo trình độ đào tạo																	
		Tổng số	CB	TC	SC và đào tạo nghề nghiệp khác	Tổng số tuyển sinh các trình độ	Trung cấp và nghiệp vụ				Cao đẳng				Đại học				SC và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác						
							Tổng số	Dân tộc thiểu số/ít người	Công CB	Tuyển mới	Liên thông	Tổng số	Tốt nghiệp THPT	Tốt nghiệp THPT	Tổng số	Dân tộc thiểu số/ít người	Công SC và đào tạo nghề nghiệp khác	SC	Chương trình đào tạo nghề nghiệp khác	Tổng số	Dân tộc thiểu số/ít người				
STT	Mã ngành, nghề	01 (CBCH)	02	03	04	05 (CBCH)	06 (CBCH)	07 (CBCH)	08 (CBCH)	09 (CBCH)	10 (CBCH)	11 (CBCH)	12 (CBCH)	13 (CBCH)	14 (CBCH)	15 (CBCH)	16 (CBCH)	17 (CBCH)	18 (CBCH)	19 (CBCH)	20 (CBCH)	21 (CBCH)	22 (CBCH)	23 (CBCH)	24 (CBCH)
	Lưu ý B2	1410	700	800	110	1.420	475	75	700	500	200	200	30	600	500	100	250	20	170	50	80	20	5		

- Phần dữ liệu báo cáo:
 - Cột B: Mã ngành nghề.
 - Cột C: Tên ngành nghề.
 - Cột D: Tổng số kế hoạch tuyển sinh của năm báo cáo.
 - Cột E: Tổng số kế hoạch tuyển sinh hệ **Cao đẳng** của năm báo cáo.
 - Cột F: Tổng số kế hoạch tuyển sinh hệ **Trung cấp** của năm báo cáo.
 - Cột G: Tổng số kế hoạch tuyển sinh hệ **Sơ cấp và đào tạo nghề khác** của năm báo cáo.
 - Cột H: Tổng số kết quả tuyển sinh các trình độ.
 - Cột I: Tổng số kết quả tuyển sinh **Nữ** các trình độ.
 - Cột J: Tổng số kết quả tuyển sinh **Dân tộc thiểu số/ít người** các trình độ.
 - Cột K: Tổng số tuyển sinh hệ Cao đẳng.
 - Cột L: Tuyển mới hệ Cao đẳng.
 - Cột M: Liên thông hệ Cao đẳng.
 - Cột N: Tổng số nữ hệ Cao đẳng.
 - Cột O: Tổng số dân tộc thiểu số/ít người hệ Cao đẳng.
 - Cột P: Tổng số tuyển sinh hệ Trung cấp.
 - Cột Q: Tổng số tuyển mới hệ trung cấp từ học sinh tốt nghiệp THCS.
 - Cột R: Tổng số tuyển mới hệ trung cấp từ học sinh tốt nghiệp THPT.
 - Cột S: Tổng số nữ hệ Trung cấp.
 - Cột T: Tổng số dân tộc thiểu số/ít người hệ Trung cấp.

- Cột U: Tổng tuyển sinh Sơ cấp và đào tạo nghề khác.
- Cột V: Tổng số tuyển sinh sơ cấp.
- Cột W: Tổng số tuyển sinh từ các chương trình đào tạo nghề khác.
- Cột X: Tổng số nữ hệ Sơ cấp.
- Cột Y: Tổng số dân tộc thiểu số/ít người hệ Sơ cấp.

Họ tên:
 Họ chữ:
 Ngày tháng năm:
 Website:

Điện thoại bộ phận tuyển sinh:
 Email bộ phận tuyển sinh:

KẾT QUẢ TUYỂN SINH 06 THÁNG ĐẦU NĂM
 Thời điểm báo cáo: Ngày tháng năm

STT	Ngành, nghề đào tạo	Kế hoạch tuyển sinh năm						Kết quả tuyển sinh																	
		(theo đúng kế chỉ tiêu TS đến năm)						Chấn theo trình độ đào tạo																	
		Tổng số	CB	TC	SC và đào tạo nghề nghiệp khác	Tổng số người	Trong đó: Dân tộc thiểu số ít người	CB				TC				SC và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác									
								Công	Tuyển	Liên	Trung	Công	Tuyển	Liên	Trung	Công	Tuyển	Liên	Trung						
STT	Mã ngành, nghề	001	002	003	004	005	006	007	008	009	010	011	012	013	014	015	016	017	018	019	020	021	022	023	024
	Tên ngành, nghề	1410	700	600	110	1410	475	75	700	500	200	200	50	600	500	100	250	20	110	50	60	25			

– Chọn “File → Save” để lưu lại tệp báo cáo.

- **Bước 3: Tại mục “Nhập Kết Quả Tuyển Sinh”**
 - Chọn “Mở file” để tải tệp từ máy tính lên hệ thống.

TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

thongke.skillssystem.com/admin/importEnrollment/school

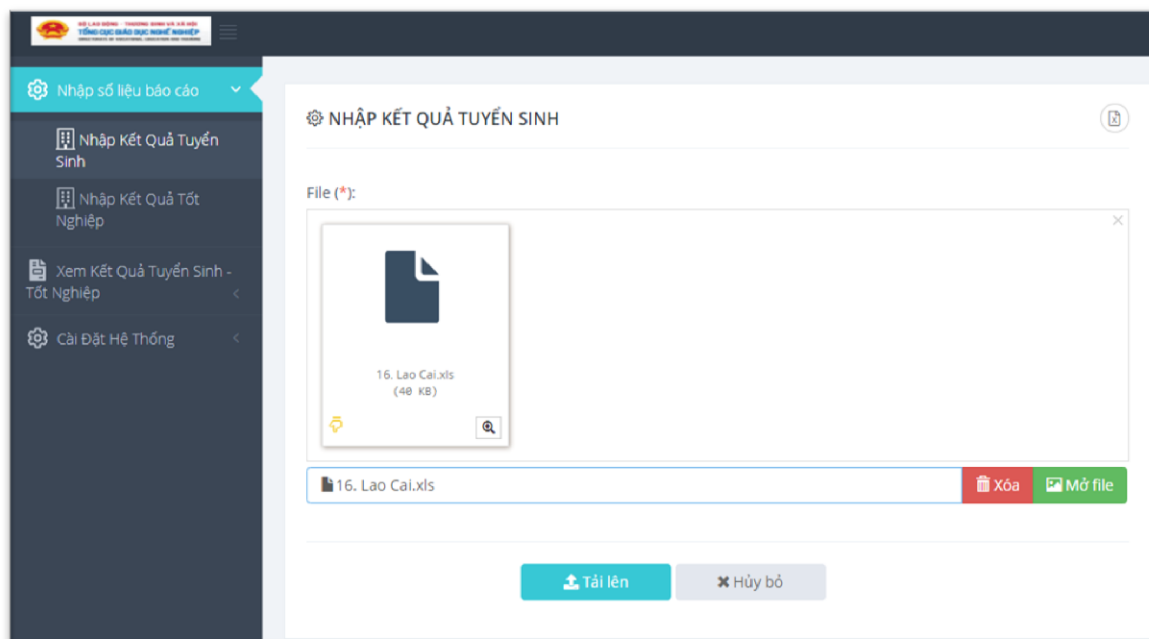
NHẬP KẾT QUẢ TUYỂN SINH

File (*):

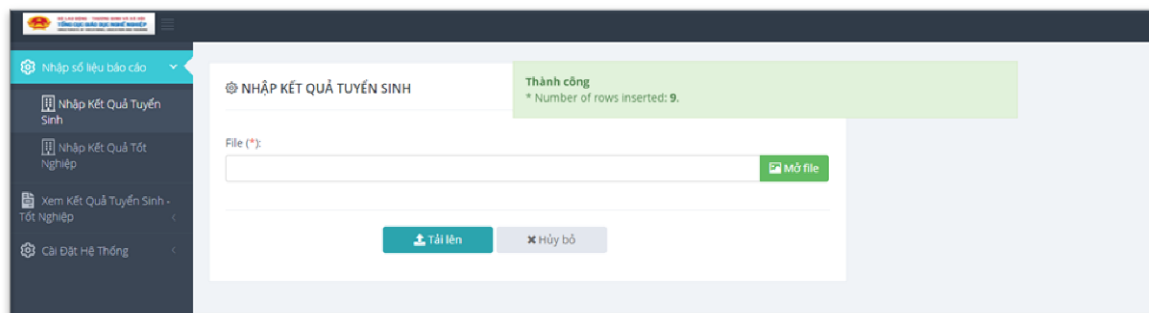
Mở file

Tải lên Hủy bỏ

– Sau đó nhấn “Tải lên”.

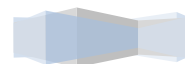


- **Bước 4:** Hệ thống hiển thị thông báo thành công



2.1.2. Nhập Kết Quả Tốt Nghiệp

- **Bước 1:** Nhấn vào “Nhập số liệu báo cáo”, chọn “Nhập Kết Quả Tốt Nghiệp”
- **Bước 2:** Tại mục “Nhập Kết Quả Tốt Nghiệp”
 - Chọn “File mẫu” để tải mẫu tệp nhập liệu báo cáo.



Tải mẫu

⚙️ NHẬP SỐ LIỆU BÁO CÁO

⚙️ NHẬP KẾT QUẢ TỐT NGHIỆP

File (*):

Mở file

Tải lên **Hủy bỏ**

– Điền đầy đủ các thông tin của đơn vị báo cáo: Tên đơn vị, Địa chỉ, Điện thoại, Website, Điện thoại Phòng Đào tạo, Email Phòng Đào tạo.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC SINH, SINH VIÊN, NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM NĂM																				
Thời điểm báo cáo: ngày tháng năm																				
Đơn vị tính: Người																				
STT	Ngành, nghề đào tạo		Tổng số người học tốt nghiệp	Trình độ cao đẳng			Trình độ Trung cấp			Trình độ Sơ cấp và đào tạo nghề nghiệp khác			Người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp (%)			Mức lương trung bình (Triệu đồng/tháng)				
				Số SV nhập học đầu khóa	Số SV đủ điều kiện thi, xét TN	Số SV TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số HS nhập học đầu khóa	Số HS đủ điều kiện thi, xét TN	Số HS TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số nhập học đầu khóa	Số đủ điều kiện thi, xét TN	Số TN	CD	TC	SC	CD	TC	SC
	Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề	(1)=(4)+(5)+(12)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	lxb2	Lấy xe B2	500	600	550	100	200	400	350	300	200	300	120	100	50	200	50	6000000	5000000	4000000
	Tổng cộng																			

– Cập nhật năm báo cáo và thời điểm báo cáo.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC SINH, SINH VIÊN, NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM NĂM																				
Thời điểm báo cáo: ngày tháng năm																				
Đơn vị tính: Người																				
STT	Ngành, nghề đào tạo		Tổng số người học tốt nghiệp	Trình độ cao đẳng			Trình độ Trung cấp			Trình độ Sơ cấp và đào tạo nghề nghiệp khác			Người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp (%)			Mức lương trung bình (Triệu đồng/tháng)				
				Số SV nhập học đầu khóa	Số SV đủ điều kiện thi, xét TN	Số SV TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số HS nhập học đầu khóa	Số HS đủ điều kiện thi, xét TN	Số HS TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số nhập học đầu khóa	Số đủ điều kiện thi, xét TN	Số TN	CD	TC	SC	CD	TC	SC
	Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề	(1)=(4)+(5)+(12)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	lxb2	Lấy xe B2	500	600	550	100	200	400	350	300	200	300	120	100	50	200	50	6000000	5000000	4000000
	Tổng cộng																			

- Phân dữ liệu báo cáo:
 - Cột B: Mã ngành nghề.
 - Cột C: Tên ngành nghề.
 - Cột D: Tổng số người tốt nghiệp.
 - Cột E: Tổng số sinh viên hệ **Cao đẳng** nhập học đầu khóa.
 - Cột F: Tổng số sinh viên hệ **Cao đẳng** đủ điều kiện thi, xét tốt nghiệp.
 - Cột G: Tổng số sinh viên hệ **Cao đẳng** tốt nghiệp.
 - Cột H: Tỷ lệ sinh viên hệ **Cao đẳng** tốt nghiệp đạt loại khá, giỏi.
 - Cột I: Tổng số sinh viên hệ **Trung cấp** nhập học đầu khóa.
 - Cột J: Tổng số sinh viên hệ **Trung cấp** đủ điều kiện thi, xét tốt nghiệp.
 - Cột K: Tổng số sinh viên hệ **Trung cấp** tốt nghiệp.
 - Cột L: Tỷ lệ sinh viên hệ **Trung cấp** tốt nghiệp đạt loại khá, giỏi.
 - Cột M: Tổng số sinh viên hệ **Sơ cấp và đào tạo nghề khác** nhập học đầu khóa.
 - Cột N: Tổng số sinh viên hệ **Sơ cấp và đào tạo nghề khác** đủ điều kiện thi, xét tốt nghiệp.
 - Cột O: Tổng số sinh viên hệ **Sơ cấp và đào tạo nghề khác** tốt nghiệp.
 - Cột P: Tỷ lệ người học hệ **Cao đẳng** có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.
 - Cột Q: Tỷ lệ người học hệ **Trung cấp** có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.
 - Cột R: Tỷ lệ người học hệ **Sơ cấp và đào tạo nghề khác** có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.
 - Cột S: Mức lương trung bình của người học hệ **Cao đẳng**.
 - Cột T: Mức lương trung bình của người học hệ **Trung cấp**.
 - Cột U: Mức lương trung bình của người học hệ **Sơ cấp**.

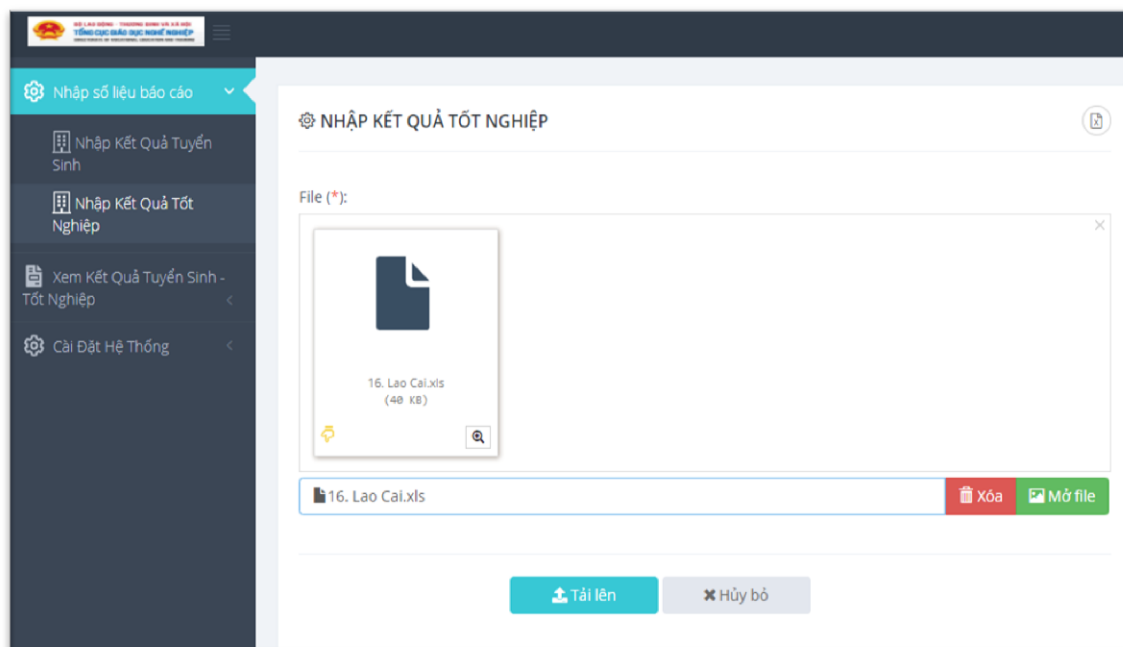


Tên đơn vị: Trường/Trung tâm/CS khác Địa chỉ: Điện thoại: Điện thoại Phòng Đào tạo Website: Email Phòng Đào tạo:																				
BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC SINH, SINH VIÊN, NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM NĂM																				
Thời điểm báo cáo: ngày tháng năm																				
Đơn vị tính: Người																				
STT	Ngành, nghề đào tạo		Tổng số người học tốt nghiệp	Trình độ cao đẳng			Trình độ Trung cấp			Trình độ Sơ cấp và đào tạo nghề nghiệp khác			Người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp (%)			Mức lương trung bình (Triệu đồng/tháng)				
				Số SV nhập học đầu khoá	Số SV đủ điều kiện thi, xét TN	Số SV TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số HS nhập học đầu khoá	Số HS đủ điều kiện thi, xét TN	Số HS TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số nhập học đầu khoá	Số đủ điều kiện thi, xét TN	Số TN	CB	TC	SC	CB	TC	SC
	Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề	(1)=(4)+(5)+(12)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	lxb2	Lấy xe B2	500	600	550	100	200	400	350	300	200	300	120	100	50	200	50	6000000	5000000	4000000
	Tổng cộng																			

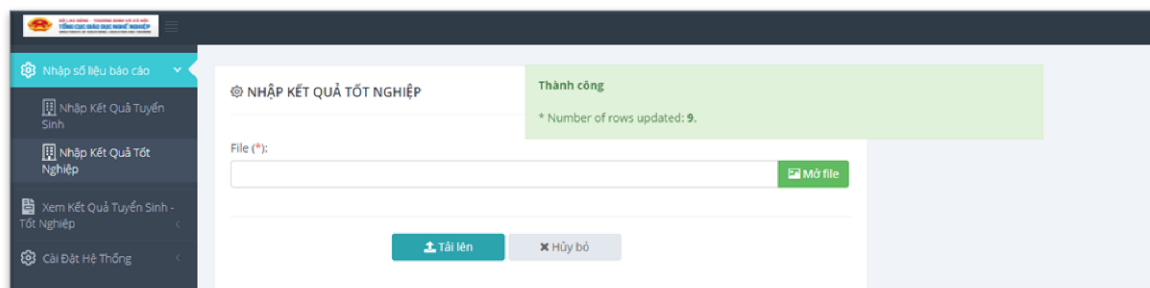
– Chọn **“File → Save”** để lưu lại tệp báo cáo.

- **Bước 3: Tại mục “Nhập Kết Quả Tốt Nghiệp”**
 - Chọn **“Mở file”** để tải tệp từ máy tính lên hệ thống

– Sau đó nhấn **“Tải lên”**.



Bước 4: Hệ thống hiển thị thông báo thành công



2.2. Xem kết quả Tuyển sinh – Tốt nghiệp

2.2.1. Xem kết quả tuyển sinh

- **Bước 1:** Nhấn vào “Xem kết quả Tuyển sinh – Tốt nghiệp”, chọn “Xem Kết Quả Tuyển Sinh”
- **Bước 2:** Tại mục “**Xem Kết Quả Tuyển Sinh**”
 - Tùy chỉnh thông tin ở mục “**Quý**” và “**Năm**”.
 - Sau đó nhấn “**Tìm**”
- **Bước 3:** Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm theo mục đã chọn.

KẾT QUẢ TUYỂN SINH

Quý II

Năm 2020

Q, Tìm

STT	Ngành, nghề đào tạo	Kế hoạch tuyển sinh năm... (theo đăng ký chỉ tiêu TS đầu năm)					Kết quả tuyển sinh													
		Tổng số	CD	TC	SC và đào tạo thường xuyên	Tổng số tuyển sinh các trình độ	Trong tổng số:		Chia theo trình độ đào tạo											
							Nữ	Dân tộc thiểu số/ ít người	CD			TC			SC					
									Cộng CD	Tuyển mới	Liên thông	Trong đó:		Cộng TC		Tốt nghiệp THCS	Tốt nghiệp THPT	Trong đó:		Cộng SC và đào tạo
												Nữ	Dân tộc thiểu số/ ít người					Nữ	Dân tộc thiểu số/ ít người	
1	Mã ngành, nghề	(1)= (2)+ (3)+ (4)	(2)	(3)	(4)	(5)= (8)+ (13)+ (18)	(6)= (11)+ (16)+ (21)	(7)= (12)+ (17)+ (22)	(8)= (9)+ (10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (14)+ (15)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)= (19)+ (20)	(19)
1	6520263/.....	35	35	-	-	20	-	-	20	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	6520205/5520205	105	70	35	-	137	-	1	87	87	-	-	1	50	50	-	-	-	-	-
3	6510216/.....	70	70	-	-	106	1	1	106	106	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-
4	6480202/5480202	35	35	-	-	63	3	-	30	30	-	1	-	33	33	-	2	-	-	-

2.2.2. Xem kết quả tốt nghiệp.

- **Bước 1:** Nhấn vào “Xem kết quả Tuyển sinh – Tốt nghiệp”, chọn “**Xem Kết Quả Tốt Nghiệp**”
- **Bước 2:** Tại mục “**Xem Kết Quả Tốt Nghiệp**”
 - Tùy chỉnh thông tin ở mục “**Tháng**” và “**Năm**”.
 - Sau đó nhấn “**Tìm**”

- **Bước 3:** Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm theo mục đã chọn.

KẾT QUẢ HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

Địa phương

Đồng bằng sông Cửu Long

Số LĐT&XH

Cà mau

Trường/ TTGDNN

Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau

Tháng

6

Năm

2020

Q. Tìm

STT	Tên ngành, nghề đào tạo	Tổng số người học tốt nghiệp (1)-(4)-(8)-(12)	Trình độ cao đẳng				Trình độ Trung cấp				Trình độ Sơ cấp và ĐTTX				Người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp(%)			Mức lương trung bình (Triệu đồng/tháng)		
			Số SV nhập học đầu khoá	Số SV đủ điều kiện thi, xét TN	Số SV TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số SV nhập học đầu khoá	Số SV đủ điều kiện thi, xét TN	Số SV TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số SV nhập học đầu khoá	Số SV đủ điều kiện thi, xét TN	Số SV TN	CD			TC			
														CD	TC	SC	CD	TC	SC	
(A)	(B)	(1)-(4)-(8)-(12)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
1	Bảo vệ thực vật	30	-	-	-	-	70	31	30	87	-	-	-	-	25	-	-	4	-	
2	Chế tạo thiết bị cơ khí	15	-	-	-	-	33	19	15	11	-	-	-	-	87	-	-	6	-	
3	Cơ điện tử	19	19	13	13	100	14	6	6	100	-	-	-	100	100	-	7	6	-	
4	Công nghệ ô tô	115	24	13	13	91,7	276	149	102	93,5	-	-	-	95	95	-	6	6	-	
5	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	17	-	-	-	-	24	18	17	78	-	-	-	-	90	-	-	6	-	
6	Công tác xã hội	13	-	-	-	-	28	13	13	100	-	-	-	-	13	-	-	3	-	

3. Cài đặt hệ thống

3.1. Hồ Sơ Trường

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Hồ Sơ Trường”
- **Bước 2:** Tại mục “Hồ Sơ Trường” người dùng có thể bổ sung và chỉnh sửa các thông tin của đơn vị trường.
- **Bước 3:** Sau đó nhấn “Lưu thay đổi” để lưu lại.

HỒ SƠ TRƯỜNG ID = 395

Tên trường (*): Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau

Mã trường (*): cm_cdnvnhq

Vùng kinh tế (*): Đồng bằng sông Cửu Long

Tỉnh thành (*): Cà Mau

Sở giáo dục (*): Cà Mau

Loại trường (*): 21 - Cao Đẳng

Loại hình cơ sở (*): 31 - Trường Cao đẳng

Logo:

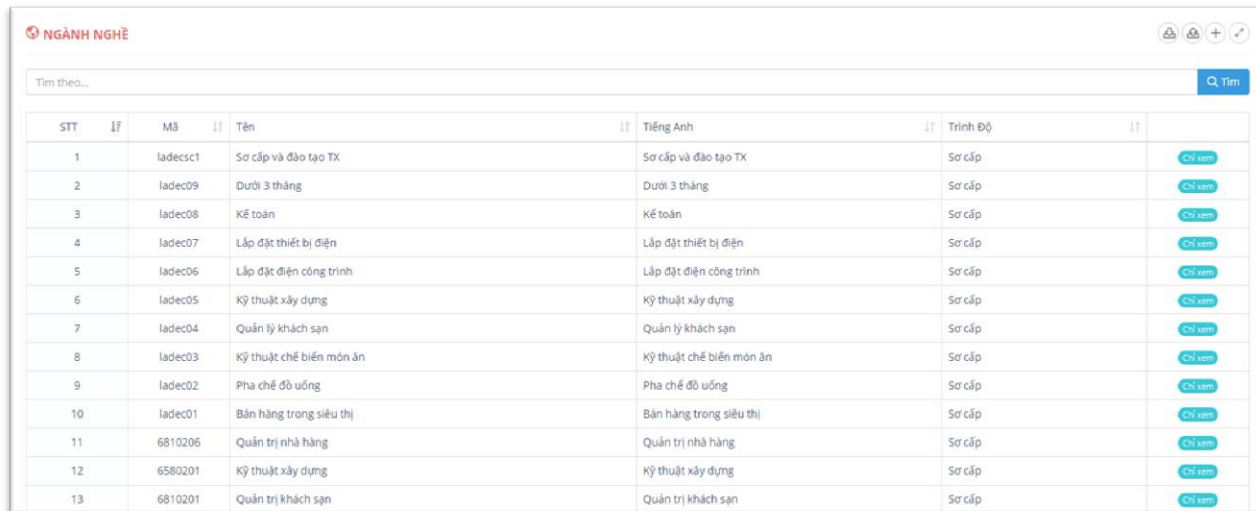


1 file selected

Xóa Mở file

3.2. Ngành Nghề

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Ngành nghề”
- **Bước 2:** Tại mục “Ngành nghề” giao diện hiển thị tất cả các ngành nghề có trên hệ thống.



STT	Mã	Tên	Tiếng Anh	Trình Độ	
1	ladecsc1	Sơ cấp và đào tạo TX	Sơ cấp và đào tạo TX	Sơ cấp	Chờ xem
2	ladec09	Dưới 3 tháng	Dưới 3 tháng	Sơ cấp	Chờ xem
3	ladec08	Kế toán	Kế toán	Sơ cấp	Chờ xem
4	ladec07	Lắp đặt thiết bị điện	Lắp đặt thiết bị điện	Sơ cấp	Chờ xem
5	ladec06	Lắp đặt điện công trình	Lắp đặt điện công trình	Sơ cấp	Chờ xem
6	ladec05	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	Sơ cấp	Chờ xem
7	ladec04	Quản lý khách sạn	Quản lý khách sạn	Sơ cấp	Chờ xem
8	ladec03	Kỹ thuật chế biến món ăn	Kỹ thuật chế biến món ăn	Sơ cấp	Chờ xem
9	ladec02	Pha chế đồ uống	Pha chế đồ uống	Sơ cấp	Chờ xem
10	ladec01	Bán hàng trong siêu thị	Bán hàng trong siêu thị	Sơ cấp	Chờ xem
11	6810206	Quản trị nhà hàng	Quản trị nhà hàng	Sơ cấp	Chờ xem
12	6580201	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	Sơ cấp	Chờ xem
13	6810201	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	Sơ cấp	Chờ xem

3.2.1. Thêm mới ngành nghề

- **Bước 1:** Chọn chức năng thêm mới 
- **Bước 2:** Nhập các thông tin của ngành nghề:
 - Nhập **Mã, Tên, Tên tiếng anh, Mô tả**.
 - Chọn **Lĩnh vực, Trình độ, Nhóm ngành**.
 - Tích vào ô **“Kích hoạt”** nếu muốn sử dụng ngành nghề vừa tạo.
 - Tích vào ô **“Tiếp tục thêm”** nếu muốn thêm liên tục.

Thêm mới

Mã:

Tên:

Tiếng Anh:

Lĩnh vực (*)

Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên

Trình độ (*)

Cao đẳng

Nhóm ngành (*)

Nothing selected

Mô Tả:

Tùy chọn thêm:

☒ Kích hoạt

☐ Tiếp tục thêm

Lưu

× Đóng

- **Bước 3:** Nhấn **“Lưu”** để hoàn tất hoặc **“Đóng”** để hủy bỏ thêm mới.

3.2.2. *Bổ sung, chỉnh sửa tên ngành, nghề tuyển sinh*

- **Bước 1:** Tại lưới hiển thị danh sách ngành nghề, chọn chức năng cập nhật 
- **Bước 2:** Chỉnh sửa các thông tin của ngành nghề:
 - Nhập **Mã**, **Tên**, **Tên tiếng anh**, **Mô tả**.
 - Chọn **Lĩnh vực**, **Trình độ**, **Nhóm ngành**.
 - Tích vào ô “**Kích hoạt**” nếu muốn sử dụng ngành nghề này hoặc bỏ tích nếu không sử dụng.

Cập nhật

Mã:

Test

Tên:

Kiểm tra thêm mới

Tiếng Anh:

Test

Lĩnh vực (*)

Công nghệ kỹ thuật

Trình độ (*)

Cao đẳng

Nhóm ngành

Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng

Mô Tả:

Thêm mới

Tùy chọn thêm:

☒ Kích hoạt

☐ Tiếp tục thêm

Lưu

× Đóng

- **Bước 3:** Nhấn “**Lưu**” để hoàn tất hoặc “**Đóng**” để hủy bỏ.

3.2.3. Xóa ngành nghề

- **Bước 1:** Tại lưới hiển thị danh sách ngành nghề, chọn chức năng xóa

Xác nhận xóa

Bạn có chắc muốn xóa dòng này?

Xóa

Đóng

- **Bước 2:** Chọn “**Xóa**” để xóa ngành nghề hoặc “**Đóng**” để hủy bỏ.

*** **Lưu ý:** Trường chỉ có thể cập nhật và xóa các ngành nghề do chính trường tạo.

3.3. Lĩnh Vực

- **Bước 1:** Nhấn vào “**Cài Đặt Hệ Thống**”, chọn “**Lĩnh Vực**”
- **Bước 2:** Tại mục “**Lĩnh Vực**” Trường chỉ có thể xem và tra cứu các lĩnh vực có trên hệ thống.

LĨNH VỰC						
Tìm theo...						
STT	IF	Mã	Tên	Trình Độ	Trạng Thái	
1		686	An ninh, quốc phòng	Cao đẳng	Không hoạt động	Chỉ xem
2		685	Môi trường và bảo vệ môi trường	Cao đẳng	Không hoạt động	Chỉ xem
3		684	Dịch vụ vận tải	Cao đẳng	Không hoạt động	Chỉ xem
4		681	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	Cao đẳng	Không hoạt động	Chỉ xem
5		676	Dịch vụ xã hội	Cao đẳng	Không hoạt động	Chỉ xem
6		672	Sức khỏe	Cao đẳng	Không hoạt động	Chỉ xem
7		664	Thủ y	Cao đẳng	Không hoạt động	Chỉ xem
8		662	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Cao đẳng	Không hoạt động	Chỉ xem
9		658	Kiến trúc và xây dựng	Cao đẳng	Không hoạt động	Chỉ xem
10		654	Sản xuất và chế biến	Cao đẳng	Không hoạt động	Chỉ xem
11		652	Kỹ thuật	Cao đẳng	Không hoạt động	Chỉ xem

3.4. Nhóm Ngành

- **Bước 1:** Nhấn vào “**Cài Đặt Hệ Thống**”, chọn “**Nhóm Ngành**”
- **Bước 2:** Tại mục “**Nhóm Ngành**” Trường chỉ có thể xem và tra cứu các nhóm ngành có trên hệ thống.

DANH SÁCH NHÓM NGÀNH									
Tìm theo...									
STT	Mã	Tên	Tên tiếng anh	Lĩnh vực	Trình độ	Trạng Thái			
1	lxcg	Lái xe cơ giới	Lái xe cơ giới	Dịch vụ vận tải	Cao đẳng	Kích hoạt	Chi tiết		
2	65108	Công nghệ kỹ thuật in	Printing engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Kích hoạt	Chi tiết		
3	65107	Công nghệ dầu khí và khai thác	Oil and gas technology and exploitation	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Kích hoạt	Chi tiết		
4	65106	Quản lý công nghiệp	Industrial management	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Kích hoạt	Chi tiết		
5	65105	Công nghệ sản xuất	Industrial production	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Kích hoạt	Chi tiết		
6	65104	Công nghệ hoá học, vật liệu, luyện kim và môi trường	Chemistry, material, metallurgical and environment engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Kích hoạt	Chi tiết		
7	65103	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	Electric, electronic and telecommunication engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Kích hoạt	Chi tiết		
8	65102	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Mechanical engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Kích hoạt	Chi tiết		
9	65101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	Architecture and constructional engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng	Kích hoạt	Chi tiết		
10	64802	Công nghệ thông tin	IT	Máy tính và công nghệ thông tin	Cao đẳng	Kích hoạt	Chi tiết		
11	64801	Máy tính	Computer	Máy tính và công nghệ thông tin	Cao đẳng	Kích hoạt	Chi tiết		
12	64602	Thống kê	Statistics	Toán và thống kê	Cao đẳng	Kích hoạt	Chi tiết		